

HỌC VIỆN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA HỒ CHÍ MINH

TRẦN HỮU ĐỒNG

LIÊN KẾT KINH TẾ TRONG PHÁT TRIỂN
VÙNG BẮC TRUNG BỘ

TÓM TẮT LUẬN ÁN TIẾN SĨ
NGÀNH: KINH TẾ PHÁT TRIỂN

HÀ NỘI - 2026

**Công trình được hoàn thành tại
Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh**

Người hướng dẫn khoa học: **1. TS. Phạm Anh Tuấn**



2. TS. Hồ Sỹ Ngọc



Phản biện 1: **GS.TS. Lê Quốc Hội**

Phản biện 2: **PGS.TS. Nguyễn Thị Minh Hiền**

Phản biện 3: **PGS.TS. Lưu Quốc Đạt**

Luận án được bảo vệ trước Hội đồng chấm luận án cấp học viện tại
Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh.

Vào hồi 9 giờ 00 ngày 02 tháng 4 năm 2026

Có thể tìm hiểu luận án tại:

Thư viện Quốc gia

Và Thư viện Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của Luận án

Liên kết kinh tế trong phát triển vùng là một xu thế tất yếu của quá trình phát triển giữa các địa phương, vùng trong tổng thể nền kinh tế quốc dân. Đây cũng là một chủ trương lớn của Đảng và Nhà nước Việt Nam ngay từ giai đoạn đầu của thời kỳ Đổi mới, trong đó liên kết kinh tế vùng luôn được đặt ở vị trí ưu tiên, xuyên suốt được thể hiện qua Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên Chủ nghĩa xã hội (sửa đổi và bổ sung năm 2011) và các văn kiện Đại hội Đảng toàn quốc qua các thời kỳ. Văn kiện Đại hội lần thứ XIII của Đảng đã nhấn mạnh, đề ra chủ trương về liên kết kinh tế vùng; gần đây nhất, tại dự thảo Văn kiện đại hội lần thứ XIV của Đảng đã xác định: *“Đẩy mạnh liên kết vùng, nội vùng, mở rộng và tổ chức lại không gian phát triển phù hợp với hệ thống hành chính mới. Đổi mới tư duy từ quản lý sang quản trị, kiến tạo phát triển vùng...”*. Chủ trương này tiếp tục được thể chế hóa thông qua Luật Quy hoạch năm 2017 và Quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050, trong đó liên kết kinh tế vùng được xác định là công cụ quan trọng để tổ chức không gian phát triển và thúc đẩy tăng trưởng bền vững.

Trong những năm gần đây, liên kết kinh tế trong phát triển vùng ngày càng nhận được sự quan tâm của giới nghiên cứu, cộng đồng doanh nghiệp và các cấp chính quyền ở Việt Nam, gắn với yêu cầu đổi mới mô hình tăng trưởng, nâng cao hiệu quả phân bổ nguồn lực và thúc đẩy phát triển bền vững theo không gian lãnh thổ. Tuy nhiên, trên thực tế, liên kết kinh tế vùng ở Việt Nam vẫn chưa được quan tâm và triển khai tương xứng với vai trò, ý nghĩa và tiềm năng vốn có, đặc biệt tại các vùng có điều kiện kinh tế - xã hội còn nhiều khó khăn.

Những hạn chế nêu trên cho thấy, liên kết kinh tế vùng ở Việt Nam hiện nay vẫn là một trong những “nút thắt” quan trọng cản trở quá trình phát huy đầy đủ vai trò của phát triển vùng trong tổng thể nền kinh tế quốc dân. Điều này đặt ra yêu cầu cấp thiết phải nghiên cứu một cách có hệ thống, toàn diện về bản chất, cơ chế vận hành và các yếu tố ảnh hưởng đến liên kết kinh tế vùng, qua đó đề xuất các giải pháp khả thi nhằm nâng cao hiệu quả liên kết, khắc phục tình trạng phát triển manh mún, chia cắt theo ranh giới hành chính và thúc đẩy phát triển vùng theo hướng bền vững.

Bắc Trung Bộ là một tiểu vùng trong 06 vùng kinh tế-xã hội ở Việt Nam, có vị trí cầu nối chiến lược giữa vùng kinh tế trọng điểm phía Bắc và vùng kinh tế trọng điểm miền Trung và Nam bộ. Vùng gồm có 05 tỉnh là: Thanh Hóa, Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Bình, Quảng Trị có diện tích

khoảng 46,2 nghìn km², dân số hơn 10,8 triệu người (năm 2024), chiếm gần 10,8% dân số cả nước nhưng chỉ đóng góp khoảng 7,5-8% GDP cả nước. Tổng GRDP toàn vùng năm 2024 (theo giá hiện hành) đạt khoảng 762,2 nghìn tỷ đồng, tăng khoảng 9,1% so với năm 2023 (trong đó, Thanh Hóa và Nghệ An tiếp tục là hai cực tăng trưởng lớn, đóng góp hơn 70% tổng GRDP vùng). Tuy nhiên, mặc dù đã hình thành một số cực tăng trưởng và không gian phát triển động lực, song các hoạt động sản xuất - kinh doanh trong vùng Bắc Trung Bộ vẫn chủ yếu phát triển theo phạm vi từng địa phương, thiếu sự gắn kết chặt chẽ về quy hoạch, hạ tầng, thị trường và chuỗi giá trị. Bên cạnh đó, cơ chế điều phối và quản trị liên kết kinh tế vùng Bắc Trung Bộ hiện nay còn thiếu tính ràng buộc và chưa đủ hiệu lực để điều phối và huy động, phân bổ nguồn lực đầu tư ở quy mô vùng. Trong bối cảnh phân cấp, phân quyền ngày càng mạnh mẽ giữa Trung ương và địa phương, những hạn chế này càng bộc lộ rõ, làm gia tăng nguy cơ phát triển manh mún theo địa giới hành chính.

Trong bối cảnh phát triển mới hiện nay, vùng Bắc Trung Bộ đang đứng trước cơ hội lớn để thúc đẩy phát triển kinh tế theo hướng bền vững, thông qua việc hình thành các mạng lưới sản xuất công nghiệp và phân phối hàng hóa đồng bộ, dựa trên lợi thế so sánh và định hướng đưa xuất khẩu, dịch vụ và du lịch trở thành các lĩnh vực mũi nhọn. Tuy nhiên, trên thực tế, khâu đột phá về liên kết kinh tế trong phát triển vùng vẫn còn chậm được triển khai và đã bộc lộ nhiều hạn chế, làm suy giảm khả năng khai thác hiệu quả tiềm năng và lợi thế của vùng. Những hạn chế này thể hiện ở chất lượng tăng trưởng chưa bền vững, hiệu quả chưa cao, trong khi nguồn lực đầu tư cho xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội còn phân tán và chưa đáp ứng đầy đủ yêu cầu phát triển liên kết vùng.

Vì vậy, với các lý do nêu trên, tôi chọn đề tài "Liên kết kinh tế trong phát triển vùng Bắc Trung Bộ" làm Luận án Tiến sĩ chuyên ngành Kinh tế phát triển tại Viện Kinh tế - Xã hội và Môi trường, Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh là hết sức cần thiết nhằm góp phần tham gia vào việc giải quyết những vấn đề trên và đáp ứng đòi hỏi thực tiễn đang đặt ra, và với mong muốn có kiến nghị, giải pháp nhằm phát triển vấn đề liên kết, phát triển vùng ở Bắc Trung Bộ nói riêng, trong cả nước nói chung đến năm 2030.

2. Mục tiêu và nhiệm vụ nghiên cứu của Luận án

2.1. Mục tiêu nghiên cứu

Trên cơ sở tổng hợp, phân tích và đánh giá thực trạng liên kết kinh tế trong phát triển vùng Bắc Trung Bộ trong giai đoạn từ năm 2010 đến nay; Luận án sẽ đề xuất các định hướng, giải pháp nhằm thúc đẩy phát triển liên

kết kinh tế trong phát triển vùng Bắc Trung Bộ giai đoạn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

2.2. Nhiệm vụ nghiên cứu

Để đạt được mục tiêu nghiên cứu đã đề ra, Luận án tập trung thực hiện các nhiệm vụ nghiên cứu chủ yếu sau đây:

Thứ nhất, Luận án hệ thống hóa một cách có khoa học cơ sở lý luận và kinh nghiệm quốc tế về liên kết kinh tế trong phát triển vùng.

Thứ hai, Luận án tổng hợp, phân tích và đánh giá thực trạng liên kết kinh tế trong phát triển vùng Bắc Trung Bộ. Đánh giá mức độ, hình thức và hiệu quả liên kết kinh tế vùng trên 3 trụ cột: i) Liên kết thể chế - chính sách, ii) Liên kết hạ tầng - logistics, và (iii) Liên kết doanh nghiệp - chuỗi giá trị; đánh giá kết quả đạt được, hạn chế và nguyên nhân; xác định các yếu tố ảnh hưởng tới liên kết kinh tế trong phát triển vùng Bắc Trung Bộ thời gian qua.

Thứ ba, Luận án sẽ đề xuất quan điểm, định hướng và nhiệm vụ, giải pháp nhằm thúc đẩy liên kết kinh tế trong phát triển vùng Bắc Trung Bộ giai đoạn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

3. Đối tượng nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu của Luận án là liên kết kinh tế trong phát triển vùng Bắc Trung Bộ.

4. Phạm vi nghiên cứu

4.1. Phạm vi không gian

Luận án tập trung nghiên cứu nội dung liên kết kinh tế trong phạm vi 05 tỉnh thuộc vùng Bắc Trung Bộ, bao gồm: Thanh Hóa, Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Bình, Quảng Trị (trước khi thực hiện chủ trương sát nhập tỉnh, thành và chính quyền địa phương 02 cấp vào tháng 7/2025).

4.2. Phạm vi thời gian

Phạm vi thời gian của phần đánh giá thực trạng của Luận án là trong giai đoạn 2010-2024 (do hạn chế về số liệu trong nội dung về định lượng đánh giá chỉ số Moran's I và đánh giá chỉ số liên kết doanh nghiệp cho nên Luận án giới hạn phạm vi của đánh giá định lượng là trong giai đoạn 2010-2023). Phạm vi thời gian của phần đề xuất, kiến nghị giải pháp là đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

4.3. Phạm vi nội dung

Về phạm vi nội dung, luận án tập trung phân tích, đánh giá liên kết kinh tế vùng Bắc Trung Bộ dựa vào 03 trụ cột chính là: i) Liên kết thể chế - chính sách; ii) Liên kết hạ tầng - logistic; iii) Liên kết doanh nghiệp - chuỗi giá trị.

5. Phương pháp nghiên cứu

Để thực hiện mục tiêu nghiên cứu trên thì Luận án sử dụng kết hợp giữa phương pháp nghiên cứu định tính và nghiên cứu định lượng. Trong đó, mục đích của nghiên cứu định tính là để: (i) Kiểm chứng lý luận, hoàn thiện khung phân tích luận án; (ii) Tạo cơ sở cho việc xây dựng cơ sở lý luận và bài học kinh nghiệm thực tiễn; (iii) Đánh giá thực trạng LKKT vùng, luận giải các yếu tố ảnh hưởng đến LKKT trong phát triển vùng; và (iv) Tìm ra các nội dung cho những vấn đề về nguyên nhân và giải pháp. Đồng thời, nghiên cứu định lượng nhằm có đủ dữ liệu có tính đại diện cao để đo lường mức độ liên kết, xác định các yếu tố cản trở liên kết trong các ngành kinh tế; tính toán các tác động của LKKT đối với phát triển vùng và dẫn chứng cho các yếu tố ảnh hưởng đến LKKT. Luận án sử dụng một số phương pháp nghiên cứu sau đây:

4.2.1. Phương pháp thu thập số liệu, dữ liệu

Luận án tiến hành điều tra, thu thập số liệu, dữ liệu để có được những thông tin chưa có sẵn trong tài liệu thứ cấp và trong các số liệu thống kê của các cuộc khảo sát đã có trước đó, nhằm củng cố vững chắc hơn vấn đề nghiên cứu, từ đó đưa ra những giải pháp, kiến nghị chính sách thiết thực.

4.2.2. Phương pháp phân tích - tổng hợp

Phương pháp phân tích - tổng hợp sử dụng để thẩm định, giải quyết những vấn đề còn tranh cãi, chưa có sự thống nhất. Phân tích - tổng hợp giúp nhận ra những khoảng trống của các nghiên cứu trước, những lĩnh vực nào cần phải nghiên cứu hoặc chứng minh thêm; đồng thời giúp xâu chuỗi dữ liệu để rút ra nhận định, đánh giá và kết luận các vấn đề cần nghiên cứu.

4.2.3. Phương pháp Thống kê - mô tả

Phương pháp thống kê mô tả được sử dụng để xử lý dữ liệu thứ cấp nhằm khái quát tình hình phát triển kinh tế vùng Bắc Trung Bộ, đánh giá tác động của LKKT đối với phát triển ở vùng Bắc Trung Bộ và phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến LKKT trong phát triển vùng Bắc Trung Bộ.

4.2.4. Phương pháp phân tích định lượng

4.2.4.1. Phương pháp phân tích tự tương quan không gian

Để đo lường mức độ liên kết kinh tế nội vùng Bắc Trung Bộ, luận án sử dụng phương pháp phân tích tự tương quan không gian thông qua chỉ số Moran's I - một công cụ định lượng được sử dụng phổ biến trong các nghiên cứu kinh tế không gian nhằm xác định mức độ hội tụ hay phân tán của các đơn vị lãnh thổ về một biến kinh tế nhất định

4.2.4.2. Phương pháp đánh giá liên kết doanh nghiệp

Để đánh giá liên kết doanh nghiệp vùng Bắc Trung Bộ, Luận án sử dụng phương pháp nghiên cứu của nhóm tác giả Wu và Hong (2022) trong việc cung cấp một khung phân tích thực chứng đặc biệt hữu ích được sử

dụng để đánh giá mức độ lan tỏa và gắn kết giữa các doanh nghiệp thông qua cấu trúc liên kết ngành.

6. Đóng góp của Luận án

6.1. Đóng góp về mặt lý luận

Thứ nhất, Luận án hệ thống hóa một cách khoa học và hoàn thiện cơ sở lý luận về liên kết kinh tế trong phát triển vùng. Bên cạnh đó, Luận án hệ thống hóa kinh nghiệm thực tiễn quốc tế về liên kết kinh tế vùng và thể chế điều phối vùng, qua đó rút ra những luận cứ khoa học có thể vận dụng vào nghiên cứu và hoạch định chính sách phát triển vùng ở Việt Nam trong thời gian tới.

Thứ hai, Luận án góp phần xây dựng khung phân tích về liên kết kinh tế trong phát triển vùng. Khung phân tích này góp phần bổ sung công cụ lý luận phục vụ nghiên cứu, đánh giá và đề xuất chính sách liên kết kinh tế vùng một cách có hệ thống và thực tiễn hơn.

6.2. Đóng góp về mặt thực tiễn

Thứ nhất, Luận án cung cấp bằng chứng thực chứng có hệ thống về thực trạng liên kết kinh tế trong phát triển vùng Bắc Trung Bộ, qua đó làm rõ mức độ và đặc điểm vận hành của liên kết vùng trong bối cảnh cụ thể của khu vực nghiên cứu.

Thứ hai, trên cơ sở tổng hợp và phân tích thực trạng, Luận án khái quát hóa các điều kiện, vấn đề và mối quan hệ cần được xem xét trong quá trình tổ chức và thực hiện liên kết kinh tế vùng Bắc Trung Bộ.

Thứ ba, Luận án làm rõ, phân tích các nguyên nhân mang tính cấu trúc của những hạn chế trong liên kết kinh tế vùng Bắc Trung Bộ, xuất phát từ đặc điểm nguồn lực phát triển, những rào cản về tư duy và nhận thức đối với liên kết kinh tế vùng, cũng như mức độ hoàn thiện của thể chế liên kết kinh tế vùng.

7. Kết cấu của Luận án

Ngoài phần Mở đầu, Kết luận và Danh mục tài liệu tham khảo, Phụ lục, Luận án được bố cục thành 04 chương và 17 tiết.

Chương 1

TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU

1.1. NGHIÊN CỨU LÝ THUYẾT VỀ PHÁT TRIỂN VÙNG VÀ LIÊN KẾT KINH TẾ TRONG PHÁT TRIỂN VÙNG

Nghiên cứu lý thuyết về phát triển vùng và liên kết kinh tế trong phát triển vùng là một nội dung mang tính đa dạng cao, được hình thành trên cơ sở giao thoa giữa kinh tế học phát triển, kinh tế học không gian, địa lý kinh tế và quy hoạch lãnh thổ, do đó việc phân tích và lý giải các vấn đề phát

triển vùng cần được tiếp cận từ nhiều hệ thống các quan điểm lý thuyết khác nhau.

1.1.1. Lý thuyết về “cực tăng trưởng”

Trong hệ thống các công trình nghiên cứu với các cách tiếp cận khác nhau của nhiều tác giả như: Perroux, Myrdal (1957), Hirschman (1958), Jacques Boudeville (1960), John Friedmann (1966)... đã tập trung nghiên cứu về lý thuyết về cực tăng trưởng đã đánh dấu một bước ngoặt quan trọng trong tư duy về không gian phát triển kinh tế, khi tăng trưởng kinh tế không diễn ra đồng đều trong không gian địa lý thuần túy mà mang tính chọn lọc, tập trung tại một số trung tâm trong không gian kinh tế, nơi các quan hệ sản xuất, trao đổi và quyền lực kinh tế chi phối mạnh mẽ hơn yếu tố vị trí địa lý; tạo ra các hiệu ứng lan tỏa thông qua các mối liên kết đầu vào - đầu ra, từ đó thúc đẩy sự phát triển của các ngành liên quan và hình thành mạng lưới doanh nghiệp gắn kết. Phát triển vùng và liên kết kinh tế vùng là một quá trình động, trong đó các vùng phát triển có thể vừa thúc đẩy, vừa kìm hãm sự phát triển của các vùng kém phát triển hơn nếu thiếu cơ chế điều tiết phù hợp.

1.1.2. Lý thuyết về lợi thế cạnh tranh và năng lực cạnh tranh vùng

Các lý thuyết của Alfred Marshall (1890), Marshall (1920), Michael Porter (1990), (Capello, 2007), Meyer-Stamer (2008), Kitson và các cộng sự (2004),... đều tập trung làm rõ năng lực cạnh tranh của vùng không chủ yếu bắt nguồn từ sự tích tụ đơn thuần các nguồn lực, mà từ cách thức tổ chức, phân bổ và sử dụng các nguồn lực đó nhằm nâng cao năng suất và thúc đẩy đổi mới sáng tạo. yếu tố then chốt của việc hình thành cụm ngành tập trung, cũng có nghĩa là nâng cao lợi thế cạnh tranh vùng là mức độ kết nối xã hội, sự tồn tại của các mạng lưới xã hội, vốn xã hội và cấu trúc thể chế. Đồng thời, nhân mạnh khả năng của một vùng trong việc tạo ra sản phẩm và dịch vụ có sức cạnh tranh trên thị trường, đồng thời duy trì thu nhập và việc làm ở mức cao, bền vững. Theo cách tiếp cận này, năng lực cạnh tranh vùng không chỉ gắn với tăng trưởng kinh tế mà còn thể hiện ở chất lượng việc làm, mức sống và khả năng chống chịu trước áp lực cạnh tranh bên ngoài.

1.1.3. Lý thuyết về liên kết ngành, phát triển cụm ngành

Theo lý thuyết về liên kết ngành của Michael Porter (1998, 2000), cụm liên kết ngành là một hình thức tổ chức không gian kinh tế hiện đại, cho phép doanh nghiệp khai thác lợi ích của sự tập trung địa lý mà không bị ràng buộc bởi tính cứng nhắc của liên kết dọc hay chi phí quản trị cao của các liên minh chính thức. Mercado (2002) mở rộng lý thuyết cụm ngành theo hướng lãnh thổ, cho rằng sự tập trung ở các cụm quy mô vừa có thể hình thành các cực

tăng trưởng trung gian, vừa thu hút lao động, vừa tạo hiệu ứng lan tỏa cân bằng hơn giữa các vùng. Theo Fujita và Mori (2005) bổ sung động lực liên kết ngành được tạo ra từ hai loại liên kết chủ yếu là: liên kết kinh tế (e-linkages) thông qua sản xuất và trao đổi hàng hóa, dịch vụ; và liên kết tri thức (k-linkages) thông qua sáng tạo, học hỏi và lan tỏa kiến thức, đóng vai trò quan trọng trong nâng cao năng lực cạnh tranh vùng.

1.1.4. Lý thuyết về chuỗi giá trị - doanh nghiệp

Trong tác phẩm lợi thế cạnh tranh (Competitive Advantage) xuất bản năm 1985, Michael Porter lần đầu tiên đưa ra khái niệm “chuỗi giá trị” (value chain) ở cấp độ doanh nghiệp như một công cụ phân tích trung tâm để lý giải nguồn gốc của lợi thế cạnh tranh. Mở rộng cách tiếp cận này, Kaplinsky và Morris (2001) cho rằng chuỗi giá trị trong thực tiễn có cấu trúc phức tạp hơn nhiều, bao gồm không chỉ các công đoạn sản xuất - tiêu thụ mà còn cả các hoạt động cung ứng đầu vào và dịch vụ hỗ trợ. Như vậy, dù ở dạng giản đơn hay mở rộng, chuỗi giá trị đều phản ánh các mối liên kết chặt chẽ giữa các doanh nghiệp thuộc nhiều ngành và lĩnh vực khác nhau. Vì vậy, tăng cường liên kết theo chuỗi giá trị giúp nâng cao năng lực cạnh tranh và hiệu quả sản xuất - kinh doanh của doanh nghiệp trong bối cảnh phân công lao động ngày càng sâu và mạng lưới sản xuất phân tán trên phạm vi toàn cầu hiện nay.

1.1.5. Lý thuyết địa kinh tế mới

Từ cuối thế kỷ XX và đầu thế kỷ XXI, tư duy lý thuyết nghiên cứu về phát triển vùng có sự chuyển hướng từ cách tiếp cận theo “tăng trưởng theo trung tâm” sang tiếp cận theo “phát triển vùng tổng hợp” và “phát triển dựa vào vị trí địa lý” (place-based development). Lý thuyết kinh tế học địa lý mới đã tạo ra bước phát triển quan trọng trong nghiên cứu phát triển vùng khi kết hợp phân tích không gian với các yếu tố vi mô như lợi suất tăng theo quy mô, chi phí vận tải và hành vi doanh nghiệp. Krugman và Venables (1990) được xem là các học giả đặt nền móng quan trọng cho lý thuyết kinh tế học địa lý mới (New Economic Geography - NEG) khi nhấn mạnh vai trò của lợi tức tăng dần theo quy mô, tính kinh tế nội bộ và ngoại bộ theo quy mô, cùng với chi phí giao dịch và chi phí thương mại trong việc lý giải sự phân bố không gian của các hoạt động kinh tế.

1.2. NGHIÊN CỨU VỀ NỘI DUNG, HÌNH THỨC LIÊN KẾT KINH TẾ TRONG PHÁT TRIỂN VÙNG

1.2.1. Về khái niệm, nội hàm của liên kết kinh tế trong phát triển vùng

Tổng hợp các công trình nghiên cứu của Perroux (1950), Hirschman (1958) Boudeville (1966), Porter (1990), North (1990),... cho thấy liên kết kinh tế vùng là một khái niệm có nội hàm đa chiều, phản ánh mức độ tích

hợp kinh tế theo chiều sâu trong một không gian lãnh thổ thống nhất, bao gồm liên kết sản xuất, thị trường, hạ tầng và thể chế. Các nghiên cứu quốc tế nhấn mạnh liên kết vùng không chỉ là sự hợp tác hành chính giữa các địa phương mà là sự kết nối thực chất của các dòng chảy kinh tế chủ yếu như hàng hóa, dịch vụ, vốn, lao động và tri thức, giữ vai trò cơ chế vận hành cốt lõi của phát triển vùng. Các nghiên cứu trong nước đã vận dụng và điều chỉnh cách tiếp cận này phù hợp với bối cảnh thể chế Việt Nam, coi liên kết kinh tế vùng là quá trình tổ chức lại không gian phát triển theo logic kinh tế nhằm khắc phục tình trạng phân mảnh theo địa giới hành chính, với ba trụ cột nội dung chủ yếu là liên kết thể chế - chính sách, liên kết hạ tầng - logistics và liên kết doanh nghiệp - chuỗi giá trị. Sự tích hợp các cách tiếp cận này tạo nền tảng lý luận để Luận án xây dựng khung phân tích liên kết kinh tế trong phát triển vùng Bắc Trung Bộ, bảo đảm vừa kế thừa lý luận hiện đại, vừa phù hợp với điều kiện thực tiễn của Việt Nam. Đồng thời, các hướng tiếp cận này tạo thành khung nội hàm cơ bản của liên kết kinh tế vùng ở Việt Nam và là nền tảng quan trọng để luận án xây dựng khung phân tích liên kết kinh tế trong phát triển vùng Bắc Trung Bộ.

1.2.2. Nội dung liên kết kinh tế trong phát triển vùng

1.2.2.1. Về các trụ cột chính trong liên kết kinh tế trong phát triển vùng

Các nghiên cứu quốc tế về phát triển vùng cho thấy nội dung của liên kết kinh tế vùng là một khái niệm đa chiều, phản ánh sự tương tác giữa nhiều yếu tố kinh tế - xã hội trong không gian lãnh thổ. Trên nền tảng các lý thuyết kinh tế không gian của Perroux (1955), Boudeville (1966), Friedmann (1966), Krugman (1991) và Porter (1990), các học giả và tổ chức quốc tế đã phát triển hệ thống nội dung phân tích liên kết kinh tế vùng theo nhiều cách tiếp cận khác nhau. Mặc dù cách phân loại có thể khác nhau tùy theo mục tiêu nghiên cứu, tuy nhiên phần lớn các công trình đều tập trung vào những trụ cột cốt lõi phản ánh các điều kiện, lợi thế và cơ chế giúp các địa phương hợp tác, lan tỏa lợi ích kinh tế trong phát triển vùng.

Tổng hợp các nghiên cứu cho thấy nội dung liên kết kinh tế vùng thường được cấu trúc xoay quanh ba trụ cột chính. Trụ cột thứ nhất là liên kết thể chế - chính sách, bao gồm các cơ chế điều phối, quản trị liên vùng, khuôn khổ pháp lý chung và phân bổ quyền lực giữa các cấp chính quyền. Trụ cột thứ hai là liên kết hạ tầng - logistics, phản ánh mức độ kết nối vật chất giữa các địa phương, nhất là hệ thống giao thông, logistics, cảng biển, cửa khẩu và hạ tầng số. Trụ cột thứ ba là liên kết doanh nghiệp - chuỗi giá trị, thể hiện sự tương tác giữa các chủ thể sản xuất - kinh doanh, các cụm ngành, doanh nghiệp dẫn dắt và các mối quan hệ đầu vào - đầu ra trong

toàn vùng. Ba trụ cột này không tồn tại tách rời mà có quan hệ phụ thuộc lẫn nhau: thể chế vùng định hướng và điều phối hợp tác; hạ tầng - logistics tạo điều kiện vật chất cho dòng chảy kinh tế; và liên kết doanh nghiệp - chuỗi giá trị chuyển hóa các điều kiện đó thành năng lực cạnh tranh vùng. Do vậy, xét về phương diện nội dung phân tích, ba trụ cột này là nền tảng cơ bản và toàn diện để đánh giá liên kết kinh tế trong phát triển vùng, phù hợp với bối cảnh nghiên cứu vùng Bắc Trung Bộ trong luận án.

1.2.2.2. Liên kết thể chế - chính sách

Tổng hợp các nghiên cứu, có thể thấy liên kết thể chế - chính sách là trụ cột quan trọng tạo điều kiện cho phối hợp liên vùng về quy hoạch, đầu tư công, hạ tầng, thương mại và logistics; bởi chính nó quyết định cơ chế ra quyết định, mức độ phối hợp, phương thức quản trị và khả năng tích hợp nguồn lực. Đây là những yếu tố có giá trị tham chiếu quan trọng đối với việc phân tích và đề xuất giải pháp tăng cường liên kết thể chế - chính sách ở các quốc gia.

1.2.2.3. Liên kết hạ tầng – logistics

Các nghiên cứu cho thấy liên kết hạ tầng - logistics là điều kiện thiết yếu cho liên kết kinh tế vùng. Liên kết hạ tầng - logistic giúp giảm chi phí giao dịch, tăng khả năng tiếp cận thị trường và thúc đẩy phân bổ nguồn lực hiệu quả; giúp tối ưu hóa dòng chảy hàng hóa và tạo điều kiện cho doanh nghiệp trong vùng tham gia sâu vào chuỗi giá trị. Vì vậy, liên kết hạ tầng - logistics được xác định là một trong ba trụ cột cơ bản của phân tích liên kết kinh tế trong phát triển vùng. Các hướng tiếp cận này cho thấy hạ tầng đóng vai trò vừa là điều kiện cần của liên kết vùng, vừa là yếu tố thúc đẩy quan hệ sản xuất - thương mại giữa các tỉnh.

1.2.2.4. Liên kết doanh nghiệp - chuỗi giá trị

Tổng hợp các nghiên cứu cho thấy cho thấy liên kết doanh nghiệp - chuỗi giá trị được nhìn nhận theo các chiều cạnh chính: quan hệ sản xuất đầu vào - đầu ra, phát triển cụm ngành liên tỉnh, lan tỏa công nghệ, vai trò dẫn dắt, liên kết thị trường và chuyển đổi số trong mạng lưới doanh nghiệp. Những chiều cạnh này đều nhấn mạnh vai trò của doanh nghiệp như chủ thể trực tiếp tạo ra liên kết kinh tế vùng. Liên kết doanh nghiệp - chuỗi giá trị gồm ba nội dung chính: i) Liên kết đầu vào - đầu ra giữa các doanh nghiệp; ii) Liên kết theo cụm ngành và mạng lưới sản xuất; iii) Liên kết chuỗi giá trị từ phạm vi địa phương đến phạm vi toàn cầu. Đây là trụ cột quan trọng trong phân tích liên kết kinh tế vùng vì doanh nghiệp là chủ thể tạo ra dòng chảy hàng hóa và giá trị gia tăng.

1.3. NGHIÊN CỨU VỀ CÁC YẾU TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN LIÊN KẾT KINH TẾ TRONG PHÁT TRIỂN VÙNG

Các nghiên cứu trong và ngoài nước đều thống nhất rằng liên kết kinh tế trong phát triển vùng là một hiện tượng kinh tế - không gian phức hợp, chịu tác động đồng thời của nhiều nhóm yếu tố có mối quan hệ tương tác lẫn nhau. Liên kết kinh tế vùng không hình thành một cách tự phát mà phụ thuộc vào sự kết hợp giữa điều kiện thể chế, hạ tầng, cấu trúc kinh tế, động lực không gian, nguồn lực con người và các yếu tố xã hội - công nghệ. Trên cơ sở tổng hợp và hệ thống hóa các công trình nghiên cứu tiêu biểu, có thể khái quát sáu nhóm yếu tố chính ảnh hưởng tới liên kết kinh tế trong phát triển vùng, bao gồm: (i) điều kiện tự nhiên và tài nguyên; (ii) trình độ phát triển kinh tế - xã hội của các địa phương; (iii) kết cấu hạ tầng và hệ thống logistics; (iv) nguồn nhân lực và chất lượng lao động; (v) thể chế - chính sách và cơ chế điều phối vùng; và (vi) doanh nghiệp và chuỗi giá trị.

1.4. NGHIÊN CỨU VỀ LIÊN KẾT KINH TẾ TRONG PHÁT TRIỂN VÙNG BẮC TRUNG BỘ

Các nghiên cứu là mặc dù đã nhận diện khá rõ nhu cầu tăng cường liên kết vùng Bắc Trung Bộ, song vẫn thiếu các tiếp cận mang tính toàn diện theo các trụ cột liên kết. Phần lớn các công trình mới chỉ tập trung vào từng khía cạnh riêng lẻ như hạ tầng, cửa khẩu hay du lịch, thiếu các nghiên cứu liên ngành và khung phân tích tích hợp. Đồng thời, các mô hình đo lường mức độ liên kết vùng còn hạn chế, đặc biệt là thiếu các phân tích định lượng về tác động của liên kết tới tăng trưởng và hiệu quả kinh tế vùng. Khoảng trống này cho thấy nhu cầu cấp thiết phải xây dựng một cách tiếp cận hệ thống hơn. Đây chính là cơ sở khoa học và thực tiễn để luận án tiếp tục bổ sung và làm sâu sắc nội dung nghiên cứu.

1.5. ĐÁNH GIÁ KHOẢNG TRỐNG NGHIÊN CỨU DÀNH CHO LUẬN ÁN

Tổng quan các công trình nghiên cứu quốc tế và trong nước cho thấy liên kết kinh tế trong phát triển vùng là một lĩnh vực nghiên cứu có nền tảng lý luận và thực tiễn phong phú, phát triển từ các tiếp cận kinh điển đến các lý thuyết hiện đại về cụm ngành, chuỗi giá trị, điều phối vùng và kết nối hạ tầng. Các nghiên cứu quốc tế đã hình thành hệ khung lý thuyết đa tầng, bao quát liên kết thể chế, liên kết không gian - địa lý, liên kết ngành, liên kết hạ tầng và liên kết doanh nghiệp trong chuỗi giá trị, đồng thời vận dụng nhiều công cụ định lượng hiện đại như mô hình cân đối liên ngành (I-O), các chỉ số không gian, hồi quy không gian và phân tích mạng lưới kinh tế. Tuy nhiên, trong bối cảnh Việt Nam nói chung và vùng Bắc

Trung Bộ nói riêng, việc vận dụng các tiếp cận và công cụ nghiên cứu này còn hạn chế, chưa được tích hợp một cách hệ thống và chưa đáp ứng đầy đủ yêu cầu phân tích cũng như hoạch định chính sách phát triển vùng trong giai đoạn phát triển mới.

Thứ nhất, phần lớn các nghiên cứu về liên kết kinh tế vùng vẫn thiên về mô tả thực tiễn, tập trung vào hiện trạng hợp tác giữa các địa phương hoặc phân tích từng lĩnh vực riêng lẻ như hạ tầng giao thông, thương mại biên giới, du lịch hay sản xuất nông nghiệp.

Thứ hai, đến nay vẫn chưa có nghiên cứu khoa học nào ở Việt Nam tiếp cận một cách toàn diện ba trụ cột của liên kết kinh tế vùng, bao gồm: i) Liên kết thể chế - chính sách; ii) Liên kết hạ tầng - logistics; và iii) Liên kết doanh nghiệp - chuỗi giá trị.

Thứ ba, các phương pháp định lượng đo lường liên kết vùng ở Việt Nam còn rời rạc và thiếu hệ thống.

Thứ tư, đối với vùng Bắc Trung Bộ, các nghiên cứu hiện có chủ yếu tiếp cận theo hướng đơn ngành, như liên kết thương mại biên giới với Lào, liên kết du lịch liên tỉnh hoặc liên kết trong sản xuất nông nghiệp. Chưa có nghiên cứu nào phân tích một cách toàn diện vai trò của doanh nghiệp trong cấu trúc chuỗi giá trị vùng, cũng như đánh giá hệ thống logistics Bắc Trung Bộ dưới góc độ hành lang kinh tế liên tỉnh.

Từ những phân tích trên có thể khẳng định rằng, Luận án có một khoảng trống nghiên cứu rõ rệt để đóng góp về mặt học thuật và thực tiễn. Trên cơ sở kế thừa hệ thống lý thuyết quốc tế và tổng hợp các nghiên cứu trong nước, Luận án sẽ tiếp cận liên kết kinh tế vùng Bắc Trung Bộ theo khung phân tích tích hợp gồm ba trụ cột: liên kết thể chế - chính sách, liên kết hạ tầng - logistics và liên kết doanh nghiệp - chuỗi giá trị. Đồng thời, Luận án kết hợp phương pháp định tính với các phương pháp định lượng phù hợp như phân tích chỉ số tương quan không gian và mô hình I-O liên vùng (trong điều kiện dữ liệu cho phép) nhằm đo lường mức độ liên kết và đánh giá tác động của liên kết đối với phát triển kinh tế vùng. Cách tiếp cận này không chỉ góp phần lấp đầy khoảng trống nghiên cứu hiện có mà còn hướng tới cung cấp bằng chứng thực nghiệm tin cậy, phục vụ hiệu quả cho hoạch định chính sách phát triển vùng Bắc Trung Bộ trong giai đoạn mới.

Chương 2

CƠ SỞ LÝ LUẬN VÀ KINH NGHIỆM THỰC TIỄN VỀ LIÊN KẾT KINH TẾ TRONG PHÁT TRIỂN VÙNG

2.1. CÁC KHÁI NIỆM VÀ NỘI HÀM CƠ BẢN

2.1.1. Khái niệm về vùng và vùng kinh tế

Vùng có thể được tiếp cận dưới nhiều góc độ khác nhau như địa lý, kinh tế, hành chính, văn hóa - xã hội và chức năng. Mỗi cách tiếp cận phản ánh một khía cạnh của không gian kinh tế - xã hội và không loại trừ lẫn nhau, mà bổ trợ cho nhau trong việc nhận diện đầy đủ bản chất của vùng, qua đó tạo cơ sở lý luận cho phân tích liên kết kinh tế vùng trong các nghiên cứu phát triển hiện đại.

Vùng kinh tế được hiểu là một không gian lãnh thổ nhất định, nơi các địa phương có những đặc điểm tương đồng hoặc bổ sung cho nhau về điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội, hạ tầng và thể chế, cùng tham gia vào một hệ thống liên kết sản xuất - tiêu thụ nhằm khai thác lợi thế so sánh, thúc đẩy phân công lao động theo lãnh thổ và tạo ra động lực phát triển chung dựa trên sự tương tác nội vùng và ngoại vùng.

2.1.2. Phân loại vùng trong phát triển kinh tế

Phân loại vùng trong nghiên cứu phát triển kinh tế bắt nguồn từ yêu cầu tiếp cận một cách có hệ thống các đặc trưng, chức năng và vai trò của những không gian lãnh thổ khác nhau, qua đó làm cơ sở cho phân tích khoa học và hoạch định chính sách phát triển vùng. Mặc dù cách tiếp cận và tiêu chí phân loại có sự khác biệt giữa các trường phái và quốc gia, song trong lý luận phát triển vùng hiện đại, vùng thường được phân chia thành một số nhóm cơ bản, bao gồm: vùng địa lý - tự nhiên, vùng kinh tế, vùng chức năng, vùng hành chính - quy hoạch và các mô hình vùng động như hành lang kinh tế hoặc cụm động lực phát triển, cực tăng trưởng quốc gia. Cách phân loại này không chỉ giúp làm rõ bản chất đa chiều của không gian vùng mà còn tạo nền tảng cho việc xây dựng các chính sách phát triển phù hợp với đặc thù và vai trò của từng loại vùng trong hệ thống phát triển quốc gia và liên vùng.

Nhìn chung, các cách phân loại vùng phản ánh những cách tiếp cận khác nhau nhưng có tính bổ sung trong nghiên cứu và hoạch định chính sách về phát triển vùng. Sự đa dạng của các thức phân vùng cho thấy vùng không phải là một thực thể tĩnh, mà là một cấu trúc kinh tế - xã hội mang tính động, được hình thành và biến đổi thông qua tương tác giữa các yếu tố tự nhiên, kinh tế, xã hội, môi trường và thể chế. Vì vậy, lựa chọn loại hình

vùng phù hợp cần tiếp cận phù hợp với mục tiêu nghiên cứu và yêu cầu phát triển cụ thể của từng quốc gia, lãnh thổ trong từng giai đoạn.

2.1.3. Khái niệm về phát triển vùng

Luận án có thể khẳng định rằng phát triển vùng là một quá trình tổ chức và điều phối phát triển ở cấp độ không gian trung gian, nơi các mối liên kết kinh tế, thể chế và xã hội giữ vai trò quyết định đối với hiệu quả, tính bao trùm và tính bền vững của phát triển. Cách tiếp cận này tạo nền tảng lý luận quan trọng để nghiên cứu liên kết kinh tế vùng, cũng như để đánh giá vai trò của thể chế điều phối và chính sách phát triển vùng trong bối cảnh hội nhập kinh tế sâu rộng và chuyển đổi mô hình tăng trưởng hiện nay.

2.1.4. Khái niệm và nội hàm của liên kết kinh tế trong phát triển vùng

Luận án quan niệm rằng, Liên kết kinh tế trong phát triển vùng là quá trình hợp tác, phối hợp và gắn kết đa chiều giữa các chủ thể trong cùng không gian lãnh thổ, nhằm khai thác tối ưu tiềm năng - lợi thế, thúc đẩy lan tỏa phát triển, nâng cao năng lực cạnh tranh vùng và đảm bảo phát triển vùng theo hướng bền vững thông qua ba trụ cột chính là: liên kết thể chế - chính sách; liên kết hạ tầng - logistics; và liên kết doanh nghiệp - chuỗi giá trị.

2.2. NỘI DUNG VÀ HÌNH THỨC LIÊN KẾT KINH TẾ TRONG PHÁT TRIỂN VÙNG

2.2.1. Các trụ cột chính của liên kết kinh tế trong phát triển vùng

Từ phân tích nội hàm của liên kết kinh tế vùng, Luận án cho rằng liên kết kinh tế trong phát triển vùng được hình thành và vận hành trên ba trụ cột quan trọng cốt lõi là: i) Liên kết thể chế - chính sách; ii) Liên kết hạ tầng - logistics; và (iii) Liên kết doanh nghiệp - chuỗi giá trị.

2.2.1.1. Liên kết thể chế - chính sách: bao gồm: (i) hệ thống chính sách và quy định pháp lý về phối hợp phát triển vùng; (ii) tổ chức điều phối liên kết vùng; (iii) cơ chế phối hợp và giám sát; và (iv) cơ chế phân bổ lợi ích và chia sẻ rủi ro giữa các địa phương.

2.2.1.2. Liên kết hạ tầng – logistics: bao gồm các nội dung chủ yếu sau: kết nối giao thông đa phương thức liên vùng; xây dựng các hành lang và vành đai kinh tế; phát triển hệ thống logistics và hạ tầng số.

2.2.1.3. Liên kết doanh nghiệp - chuỗi giá trị: gồm có 3 nội dung chủ yếu sau: liên kết dọc trong chuỗi giá trị; liên kết ngang giữa các doanh nghiệp cùng ngành; liên kết đa chủ thể trong hệ sinh thái đổi mới.

2.2.2. Vai trò của liên kết kinh tế đối với phát triển vùng

Luận án này cho rằng liên kết kinh tế giữ vai trò then chốt trong phát triển vùng thông qua việc nâng cao năng lực cạnh tranh, phát triển ngành mũi nhọn, phát huy lan tỏa của các lãnh thổ động lực và tổ chức lại không

gian kinh tế theo hướng hiệu quả và bền vững. Khi được vận hành trên cả ba trụ cột - thể chế, hạ tầng và doanh nghiệp - liên kết kinh tế vùng sẽ tạo ra sức mạnh tổng hợp, trở thành động lực nội sinh cho phát triển vùng và nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia.

2.3. CÁC YẾU TỐ ẢNH HƯỞNG TỚI LIÊN KẾT KINH TẾ TRONG PHÁT TRIỂN VÙNG

Các nghiên cứu lý thuyết và thực nghiệm chỉ ra rằng mức độ và hiệu quả của liên kết kinh tế vùng không chỉ phụ thuộc vào các yếu tố sau: điều kiện tự nhiên và tài nguyên; trình độ phát triển kinh tế - xã hội; nguồn nhân lực và chất lượng lao động; trình độ khoa học - công nghệ và chuyển đổi số; bối cảnh hội nhập và liên kết ngoại vùng; kết cấu hạ tầng và hệ thống logistics; thể chế - chính sách và cơ chế điều phối vùng; doanh nghiệp và mức độ phát triển chuỗi giá trị. Vì vậy, liên kết kinh tế trong phát triển vùng là kết quả của sự tương tác đa chiều giữa các yếu tố tự nhiên, kinh tế - xã hội và thể chế. Trong đó, kết cấu hạ tầng - logistics, thể chế điều phối vùng và liên kết doanh nghiệp - chuỗi giá trị giữ vai trò chi phối, quyết định việc liên kết vùng có đi vào thực chất hay chỉ dừng lại ở các cam kết mang tính hình thức.

2.4. KINH NGHIỆM QUỐC TẾ VỀ LIÊN KẾT KINH TẾ TRONG PHÁT TRIỂN VÙNG

2.4.1. Kinh nghiệm của Thái Lan

2.4.2. Kinh nghiệm của Trung Quốc

2.4.3. Kinh nghiệm của Hàn Quốc

2.4.4. Bài học rút ra cho liên kết kinh tế trong phát triển vùng Bắc Trung Bộ

Thứ nhất, liên kết kinh tế vùng phải được dẫn dắt bởi một khung thể chế đủ mạnh ở cấp quốc gia hoặc cấp vùng, thay vì chỉ dựa vào sự phối hợp tự nguyện giữa các địa phương.

Thứ hai, các kinh nghiệm quốc tế đều chỉ ra rằng liên kết vùng chỉ thực sự vận hành khi có nền tảng hạ tầng kết nối đồng bộ và mang tính liên vùng, đặc biệt là giao thông và logistics.

Thứ ba, liên kết kinh tế vùng không thể chỉ dựa vào hạ tầng và thể chế, mà phải được hiện thực hóa thông qua liên kết doanh nghiệp và tổ chức chuỗi giá trị theo không gian vùng.

Thứ tư, các mô hình thành công đều nhấn mạnh vai trò của đầu tư cho nguồn nhân lực và đổi mới sáng tạo trong nâng cấp liên kết vùng.

Thứ năm, kinh nghiệm quốc tế cho thấy liên kết vùng là một quá trình dài hạn, đòi hỏi tính nhất quán chính sách và kiên trì thực hiện, chứ không phải là tập hợp các dự án ngắn hạn.

Kinh nghiệm của Thái Lan, Trung Quốc và Hàn Quốc có thể rút ra năm bài học then chốt cho vùng Bắc Trung Bộ đó là: cần một khung thể chế điều phối vùng đủ mạnh; ưu tiên phát triển hạ tầng kết nối liên vùng; tổ chức lại không gian sản xuất và chuỗi giá trị theo vùng; gắn liên kết vùng với phát triển nguồn nhân lực và đổi mới sáng tạo; và bảo đảm tính dài hạn, nhất quán trong thực thi chính sách. Những bài học này tạo cơ sở lý luận và thực tiễn quan trọng cho việc xây dựng các định hướng và giải pháp thúc đẩy liên kết kinh tế vùng Bắc Trung Bộ trong các chương tiếp theo của Luận án.

2.5. KHUNG PHÂN TÍCH CỦA LUẬN ÁN

Từ việc tổng quan các nghiên cứu ở trong nước và nước ngoài đã có và phân tích cơ sở lý thuyết về liên kết kinh tế trong phát triển vùng, Tác giả Luận án đã đề xuất khung phân tích, nghiên cứu của Luận án.

Chương 3

THỰC TRẠNG LIÊN KẾT KINH TẾ TRONG PHÁT TRIỂN VÙNG BẮC TRUNG BỘ

3.1. TỔNG QUAN VỀ VÙNG BẮC TRUNG BỘ

3.1.1. Vị trí địa lý, đặc điểm tự nhiên

3.1.2. Đặc điểm tình hình kinh tế - xã hội

3.1.2.1. Quy mô và cơ cấu nền kinh tế vùng Bắc Trung Bộ

3.1.2.2. Tình hình văn hóa, xã hội và môi trường vùng Bắc Trung Bộ

3.2. THỰC TRẠNG LIÊN KẾT KINH TẾ TRONG PHÁT TRIỂN VÙNG BẮC TRUNG BỘ

3.2.1. Tổng quan liên kết kinh tế trong phát triển vùng Bắc Trung Bộ

3.2.1.1. Đánh giá tổng quan

Đánh giá tổng quan cho thấy liên kết kinh tế vùng Bắc Trung Bộ đang ở giai đoạn bước đầu hình thành; trong đó nhu cầu tăng cường hợp tác nội vùng ngày càng trở nên cấp thiết do phân mảnh thị trường, chênh lệch phát triển và thiếu cơ chế điều phối vùng hiệu quả. Các cực tăng trưởng có tiềm năng tạo lan tỏa nhưng chưa hình thành mạng lưới liên kết ngang và dọc với các tỉnh trong vùng

3.2.1.2. Đánh giá mức độ liên kết kinh tế nội vùng Bắc Trung Bộ

3.2.1.2.1. Giới thiệu phương pháp đánh giá

Để đo lường mức độ liên kết kinh tế nội vùng Bắc Trung Bộ, Luận án sử dụng phương pháp phân tích tương quan không gian thông qua chỉ số Moran's I là một công cụ tính toán được sử dụng phổ biến trong các

nghiên cứu kinh tế không gian nhằm xác định mức độ hội tụ hay phân tán của vùng về một biến kinh tế nhất định.

3.2.1.2.2. Mô tả đặc điểm số liệu được sử dụng để tính toán

Từ góc độ liên kết kinh tế vùng, tiềm năng kết nối nội vùng rất lớn nhưng hiệu quả khai thác hạ tầng còn hạn chế, khó khăn. Điều này phần nào lý giải vì sao các cực tăng trưởng như Thanh Hóa, Nghệ An hay Hà Tĩnh dù có vai trò quan trọng nhưng mức độ lan tỏa sang Quảng Bình và Quảng Trị vẫn còn hạn chế. Bên cạnh đó, sự chênh lệch khoảng cách này cũng cho thấy cơ sở hạ tầng giao thông vùng vẫn thiếu các tuyến kết nối trực tiếp, tuyến tránh đô thị, cũng như các trục giao thông ngang nhằm tối ưu hóa dòng vận tải liên tỉnh, liên vùng.

3.2.1.2.3. Kết quả tính toán chỉ số Moran's I

Chỉ số Moran's I tiệm cận giá trị (-1) trong giai đoạn 2021-2023 cho thấy vùng Bắc Trung Bộ gần như không còn sự hội tụ kinh tế tự nhiên nào; ngược lại, tăng trưởng của tỉnh này nhiều khả năng diễn biến ngược chiều với tỉnh khác. Điều này cho thấy liên kết kinh tế nội vùng rất yếu, cấu trúc vùng đang bị chia cắt và các chính sách phát triển vẫn mang tính địa phương hóa cao. Trong bối cảnh đó, yêu cầu tăng cường điều phối vùng, phát triển hạ tầng đồng bộ và xây dựng chuỗi giá trị liên tỉnh trở nên cấp thiết nhằm hạn chế sự phân kỳ và đưa khu vực trở lại trạng thái hội tụ phát triển bền vững hơn trong thời gian tới.

3.2.1.2.4. Phân tích kết quả chỉ số Moran's I của vùng Bắc Trung Bộ

Kết quả phân tích chỉ số Moran's I giai đoạn 2010-2023 của vùng Bắc Trung Bộ cho thấy một bức tranh nhất quán về sự suy giảm mức độ hội tụ không gian và gia tăng phân cực phát triển kinh tế nội vùng Bắc Trung Bộ. chỉ số Moran's I cung cấp luận cứ định lượng về tình trạng liên kết kinh tế nội vùng Bắc Trung Bộ còn yếu và xu hướng phân cực đang ngày càng rõ nét. Đặc biệt, là xu hướng này mang tính nhất quán và kéo dài hơn một thập kỷ, cho thấy các giải pháp từng áp dụng chưa đủ mạnh để cải thiện cấu trúc liên kết vùng. Đây là dấu hiệu quan trọng cho thấy quá trình phát triển của các tỉnh không những không hội tụ mà còn có xu hướng tách rời nhau, mỗi tỉnh vận động theo quỹ đạo riêng. Sự phân kỳ này không chỉ là hiện tượng định lượng mà còn phản ánh những đặc trưng mang tính cấu trúc trong phát triển vùng Bắc Trung Bộ.

3.2.2. Liên kết thể chế - chính sách

3.2.2.1. Về các chủ trương và cơ chế, chính sách liên kết kinh tế, phát triển vùng Bắc Trung Bộ

Trong thời gian qua, Chính phủ và các bộ, ngành Trung ương đã ban hành nhiều cơ chế và chính sách quan trọng nhằm thúc đẩy liên kết kinh tế

phát triển vùng Bắc Trung Bộ; trong đó, đặc biệt tập trung vào phân bổ nguồn lực đầu tư công, phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội và tạo lập cơ chế đặc thù cho một số địa phương. Hệ thống các văn bản này hình thành nền tảng cơ sở thể chế chính sách bước đầu cho liên kết kinh tế vùng, dù mức độ triển khai và hiệu quả còn khác nhau giữa các tỉnh trong vùng Bắc Trung Bộ.

3.2.2.2. Về công tác quy hoạch vùng, địa phương và quy hoạch các ngành, lĩnh vực vùng Bắc Trung Bộ

3.2.2.3. Về các chính sách liên kết tự nguyện của các địa phương trong vùng Bắc Trung Bộ

3.2.2.3.1. Liên kết phát triển bền vững du lịch của các tỉnh vùng Bắc Trung Bộ

3.2.2.3.2. Liên kết trong khu vực kinh tế Nam Thanh Hóa - Bắc Nghệ An

3.2.2.3.3. Liên kết khu vực kinh tế Nam Nghệ An - Bắc Hà Tĩnh

3.2.2.3.4. Liên kết khu vực kinh tế Nam Hà Tĩnh - Bắc Quảng Bình

3.2.2.3.5. Liên kết của tỉnh Quảng Trị với các địa phương khác

3.2.3. Liên kết hạ tầng – logistics

Liên kết hạ tầng và logistics là trụ cột then chốt trong việc hình thành không gian phát triển thống nhất của vùng Bắc Trung Bộ, bởi hệ thống giao thông, kho vận và các dịch vụ logistics quyết định trực tiếp các dòng lưu chuyển hàng hóa, dịch vụ và lao động giữa các địa phương.

3.2.3.1. Về liên kết hạ tầng giao thông vận tải

3.2.3.1.1. Kết nối hệ thống đường bộ

3.2.3.1.2. Kết nối hệ thống cảng biển, đường thủy nội địa

3.2.3.1.3. Kết nối hạ tầng cảng hàng không

3.2.3.1.4. Kết nối hạ tầng đường sắt

3.2.3.2. Về kết nối logistics các khu kinh tế, khu công nghiệp

3.2.3.3. Về kết nối các hành lang kinh tế trong vùng Bắc Trung Bộ

3.2.2.3.1. Hành lang kinh tế Cầu Treo - Vũng Áng

3.2.2.3.2. Hành lang kinh tế Lao Bảo - Đông Hà - Đà Nẵng gắn với hành lang kinh tế Đông - Tây thuộc Tiểu vùng sông Mê Công mở rộng (GMS)

3.2.4. Liên kết doanh nghiệp - chuỗi giá trị

3.2.4.1. Thực trạng tình hình phát triển doanh nghiệp vùng Bắc Trung Bộ

Khu vực vùng Bắc Trung bộ có khoảng hơn 45.000 doanh nghiệp đang hoạt động, chiếm khoảng 5,5% số doanh nghiệp đang hoạt động của cả nước. Mặc dù số doanh nghiệp đang còn khiêm tốn và chưa có nhiều doanh nghiệp có tiềm lực mạnh so với cả nước nhưng nguồn tài nguyên

thiên nhiên của vùng này khá đa dạng, phong phú và nổi trội về biển, đảo, vịnh nước sâu, đồi núi, hồ thác, di sản văn hóa - lịch sử, cửa khẩu biên giới,...cho phép phát triển kinh tế tổng hợp với nhiều ngành chủ lực như dịch vụ du lịch, y tế, giáo dục, công nghiệp chế tạo, nông nghiệp hữu cơ,...

3.2.4.2. Đánh giá liên kết doanh nghiệp vùng Bắc Trung Bộ

3.2.4.2.1. Giới thiệu mô hình

Để đánh giá liên kết doanh nghiệp vùng Bắc Trung Bộ, Luận án này sử dụng phương pháp nghiên cứu của nhóm tác giả Wu và Hong (2022) trong việc cung cấp một khung phân tích được sử dụng để đánh giá mức độ lan tỏa và gắn kết giữa các doanh nghiệp thông qua cấu trúc liên kết ngành.

3.2.4.2.2. Mô tả số liệu

Để tính toán được mức độ liên kết doanh nghiệp vùng Bắc Trung Bộ, luận án sử dụng bộ số liệu điều tra doanh nghiệp cả nước trong giai đoạn 2011-2023 của Tổng Cục Thống kê, trong đó tổng số mẫu doanh nghiệp điều tra của các nước là 2.539.764 doanh nghiệp, vùng Bắc Trung Bộ có 149.529 doanh nghiệp. Trước khi đưa vào phân tích, dữ liệu được tiến hành làm sạch và chuẩn hóa nhằm bảo đảm tính nhất quán và độ tin cậy của kết quả tính toán.

3.2.4.2.3. Kết quả tính toán

i) Hệ số cơ cấu ngành trong khu vực Bắc Trung Bộ (A_m)

Xét tổng thể, hệ số cơ cấu ngành trong vùng (A_m) của vùng Bắc Trung Bộ trong giai đoạn 2011-2023 duy trì ở mức thấp và chỉ cải thiện hạn chế theo thời gian, phản ánh mức độ hiện diện ngành còn thấp và nền tảng cấu trúc công nghiệp chưa vững chắc trong nội vùng. Phân tích theo nhóm ngành cho thấy cơ cấu sản xuất của Bắc Trung Bộ vẫn chủ yếu dựa vào các ngành chế biến truyền thống, thâm dụng lao động và tài nguyên, trong khi các ngành thâm dụng vốn, công nghệ cao và chế tạo hiện đại có hệ số cơ cấu ngành thấp và chỉ tăng cục bộ trong những năm gần đây, đặc biệt sau năm 2020. Điều này cho thấy vùng chưa hình thành được lợi thế tương đối rõ nét ở các ngành có giá trị gia tăng và hàm lượng công nghệ cao.

ii) Liên kết ngược (Bspill)

Như vậy, kết quả tính toán chỉ số Bspill theo nhóm ngành cho thấy liên kết ngược của vùng Bắc Trung Bộ nhìn chung còn yếu, phân tán và thiếu ổn định theo thời gian. Ngoại trừ một số biến động do nội tại cơ cấu ngành, phần lớn các ngành của vùng chưa hình thành được vai trò tạo cầu đầu vào đủ mạnh và bền vững để thúc đẩy sự phát triển của các ngành cung ứng trong nội vùng. Đặc biệt, trong khu vực công nghiệp chế biến, chế tạo, liên kết ngược chủ yếu dựa vào một số ít ngành truyền thống, trong khi các ngành công nghiệp nền tảng và các ngành chế tạo hiện đại -

có khả năng tạo cầu đầu vào ổn định cho toàn bộ chuỗi giá trị - vẫn còn vắng bóng. Kết quả này phù hợp về hệ số cơ cấu ngành trong vùng (A_m) và mức độ liên kết ngang còn hạn chế của vùng.

iii) Liên kết xuôi (F_{spill})

Như vậy, kết quả phân tích chỉ số F_{spill} cho thấy liên kết xuôi của vùng Bắc Trung Bộ còn yếu, thiếu ổn định và phân hóa rõ rệt giữa các nhóm ngành. Ngoại trừ một số biến động mang tính cục bộ, đặc biệt trong năm 2023, phần lớn các ngành trong vùng chưa hình thành được vai trò cung ứng đầu ra trung gian đủ mạnh để tạo ra hiệu ứng lan tỏa sản xuất trong nội vùng. Điều này phản ánh thực tế rằng các mối liên kết theo chiều sâu của chuỗi giá trị vẫn còn hạn chế, chưa phát triển một cách đồng bộ và bền vững.

3.2.4.2.4. *Đánh giá tổng hợp liên kết doanh nghiệp vùng Bắc Trung Bộ*

Nhìn chung, tổng hợp ba nhóm chỉ số liên kết (liên kết ngang, liên kết ngược, liên kết xuôi) cho thấy cấu trúc liên kết ngành của vùng Bắc Trung Bộ còn yếu, phân tán và chưa hình thành được các cụm sản xuất có khả năng lan tỏa mạnh trong nội vùng. Hệ số cơ cấu ngành duy trì ở mức thấp và tương đối ổn định trong hầu hết các nhóm ngành, phản ánh mức độ tập trung ngành thấp và sự thiếu vắng các ngành hoặc doanh nghiệp đóng vai trò hạt nhân dẫn dắt. Điều này cho thấy hệ sinh thái doanh nghiệp của vùng Bắc Trung Bộ chưa đạt tới quy mô và mật độ cần thiết để hình thành các cực tăng trưởng nội vùng.

3.3. CÁC YẾU TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN LIÊN KẾT KINH TẾ TRONG PHÁT TRIỂN VÙNG BẮC TRUNG BỘ

Liên kết kinh tế trong phát triển vùng là một quá trình kinh tế - thể chế mang tính phức hợp, được hình thành và vận hành dưới tác động tổng hợp của nhiều nhóm yếu tố có mối quan hệ tương tác chặt chẽ. Đối với vùng Bắc Trung Bộ, mức độ và chất lượng liên kết kinh tế không chỉ chịu ảnh hưởng bởi các điều kiện tự nhiên và vị trí địa lý, mà còn bị chi phối mạnh mẽ bởi trình độ phát triển kinh tế - xã hội của các địa phương, kết cấu hạ tầng và hệ thống logistics, chất lượng nguồn nhân lực, khuôn khổ thể chế - chính sách và vai trò của doanh nghiệp trong tổ chức chuỗi giá trị.

3.3.1. Ảnh hưởng từ điều kiện tự nhiên và tài nguyên

3.3.2. Ảnh hưởng từ trình độ phát triển kinh tế - xã hội của các địa phương

3.3.3. Ảnh hưởng từ nguồn nhân lực và chất lượng lao động

3.3.4. Ảnh hưởng từ trình độ khoa học, công nghệ và chuyển đổi số

3.3.5. Ảnh hưởng từ bối cảnh hội nhập và liên kết ngoại vùng

3.3.6. Ảnh hưởng từ các yếu tố thể chế - chính sách và cơ chế điều phối vùng, kết cấu hạ tầng và hệ thống logistics, doanh nghiệp và mức độ phát triển, tham gia vào chuỗi giá trị

3.4. THÀNH TỰU VÀ HẠN CHẾ CỦA LIÊN KẾT KINH TẾ TRONG PHÁT TRIỂN VÙNG BẮC TRUNG BỘ

3.4.1. Thành tựu

Thứ nhất, về thể chế và cơ chế điều phối vùng, liên kết kinh tế vùng đã từng bước được đặt trong khuôn khổ thể chế và định hướng phát triển chung. Việc Bộ Chính trị khóa XIII ban hành Nghị quyết số 26-NQ/TW ngày 03/11/2022 về phát triển vùng Bắc Trung Bộ và Duyên hải Trung Bộ đã tạo khuôn khổ pháp lý quan trọng cho việc hình thành Hội đồng điều phối vùng Bắc Trung Bộ (năm 2023) - một bước tiến lớn trong quản trị phát triển vùng.

Thứ hai, kết cấu hạ tầng và hệ thống logistics liên vùng được cải thiện, tạo nền tảng vật chất cho liên kết kinh tế. Hạ tầng và logistics, vùng Bắc Trung Bộ đã hình thành hệ thống kết nối đa phương thức tương đối đồng bộ, tạo nền tảng vật chất cho liên kết kinh tế vùng.

Thứ ba, hoạt động kinh tế và mạng lưới doanh nghiệp – chuỗi giá trị có xu hướng mở rộng, hình thành các mối liên kết kinh tế vùng Bắc Trung Bộ ban đầu. Liên kết doanh nghiệp và chuỗi giá trị, các khu công nghiệp, khu kinh tế ven biển ngày càng thu hút nhiều doanh nghiệp đầu tư theo chuỗi.

3.4.2. Hạn chế và nguyên nhân của hạn chế

Thứ nhất, liên kết thể chế và cơ chế điều phối vùng còn yếu và thiếu tính ràng buộc và hiệu lực thực thi. Dù đã có Hội đồng điều phối vùng, nhưng cơ chế vận hành chủ yếu vẫn mang tính phối hợp hành chính, chưa có quyền phân bổ nguồn lực hoặc ra quyết định điều phối đầu tư công - tư ở cấp vùng.

Thứ hai, kết cấu hạ tầng và hệ thống logistics mức độ liên kết còn thấp và thiếu tính đồng bộ, vận tải đa phương thức phát triển chậm. Mặc dù hạ tầng giao thông được cải thiện, song cấu trúc hạ tầng vùng Bắc Trung Bộ vẫn thiếu tính tích hợp, hiệu quả khai thác còn thấp.

Thứ ba, liên kết doanh nghiệp và chuỗi giá trị nội vùng Bắc Trung Bộ còn yếu, lỏng lẻo và thiếu chiều sâu. Cơ cấu doanh nghiệp trong vùng Bắc Trung Bộ chủ yếu là doanh nghiệp nhỏ và vừa, năng lực công nghệ, quản trị và đổi mới sáng tạo còn hạn chế.

Các hạn chế trên bắt nguồn từ cả nguyên nhân thể chế, chính sách, kinh tế và con người, có thể khái quát thành bốn nhóm chính: (1) Nguyên nhân thể chế- chính sách; (2) Nguyên nhân kinh tế - nguồn lực; (3) Nguyên nhân về năng lực doanh nghiệp và thị trường; (4) Nguyên nhân về điều kiện tự nhiên và xã hội.

Chương 4

ĐỊNH HƯỚNG VÀ GIẢI PHÁP THÚC ĐẨY LIÊN KẾT KINH TẾ TRONG PHÁT TRIỂN VÙNG BẮC TRUNG BỘ

4.1. BỐI CẢNH MỚI QUỐC TẾ VÀ TRONG NƯỚC

4.1.1. Bối cảnh quốc tế mới

Thứ nhất, kinh tế thế giới bước vào giai đoạn biến động với đặc trưng là bất định, phân mảnh và cạnh tranh chiến lược giữa các quốc gia gia tăng.

Thứ hai, tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế ngày càng sâu rộng thông qua các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới như CPTPP, EVFTA, RCEP đang thúc đẩy yêu cầu liên kết nội vùng nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh chuỗi cung ứng.

Thứ ba, bối cảnh quốc tế hiện nay còn chịu tác động sâu rộng từ làn sóng cách mạng công nghiệp 4.0, nơi các công nghệ số như trí tuệ nhân tạo, dữ liệu lớn, Internet vạn vật, nền tảng điện toán đám mây và thương mại điện tử xuyên biên giới đang làm thay đổi căn bản phương thức sản xuất, mô hình kinh doanh và cấu trúc chuỗi cung ứng toàn cầu.

Thứ tư, sự nổi lên của mô hình phát triển xanh, kinh tế tuần hoàn, chuyển dịch năng lượng và các cam kết giảm phát thải toàn cầu đã tạo sức ép lên các vùng kinh tế trong việc tổ chức lại không gian công nghiệp, phân bổ nguồn lực và xây dựng chuỗi cung ứng xanh.

4.1.2. Bối cảnh trong nước

Thứ nhất, từ tháng 7/2025, bối cảnh phát triển liên kết kinh tế vùng Bắc Trung Bộ chịu tác động đồng thời của hai quá trình mang tính cấu trúc là tổ chức lại các đơn vị hành chính theo các địa phương sau sáp nhập và điều chỉnh hệ thống quy hoạch quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch ngành trong kỷ nguyên phát triển mới của đất nước.

Thứ hai, quá trình đô thị hóa diễn ra nhanh chóng tại các trung tâm lớn như Hà Nội, TP. Hồ Chí Minh, Đà Nẵng, Hải Phòng đã làm thay đổi cơ cấu không gian phát triển, kéo theo sự dịch chuyển lực lượng lao động, nhu cầu hạ tầng và sự hình thành các chuỗi đô thị - công nghiệp mới.

Thứ ba, Nhà nước ban hành hệ thống quy hoạch quốc gia, quy hoạch vùng và quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 theo Luật Quy hoạch mới.

Thứ tư, kinh tế số và chuyển đổi số đang diễn ra mạnh mẽ, tác động sâu rộng đến mọi ngành, lĩnh vực và trở thành một động lực quan trọng của tăng trưởng kinh tế.

Thứ năm, sự phân hóa trong mức độ phát triển giữa các tỉnh trong vùng Bắc Trung Bộ ngày càng trở nên rõ rệt.

Thứ sáu, hạ tầng giao thông trong nước thời gian qua đã có bước phát triển mạnh mẽ, đặc biệt là với việc hoàn thành và đưa vào khai thác nhiều đoạn của tuyến cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giúp rút ngắn đáng kể thời gian di chuyển giữa các tỉnh và tăng khả năng kết nối với các vùng kinh tế động lực.

Thứ bảy, vùng Bắc Trung Bộ đang đối diện với nhiều thách thức nội tại ảnh hưởng trực tiếp đến khả năng hình thành các chuỗi cung ứng nội vùng đủ mạnh để tham gia sâu vào mạng lưới sản xuất khu vực và quốc tế.

4.2. QUAN ĐIỂM VÀ ĐỊNH HƯỚNG THÚC ĐẨY LIÊN KẾT KINH TẾ TRONG PHÁT TRIỂN VÙNG BẮC TRUNG BỘ

4.2.1. Quan điểm nhằm thúc đẩy liên kết kinh tế trong phát triển vùng Bắc Trung Bộ đến năm 2030

4.2.2. Định hướng nhằm thúc đẩy liên kết kinh tế trong phát triển vùng Bắc Trung Bộ

4.2.2.1. Định hướng về nâng cao chất lượng thể chế - chính sách

4.2.2.2. Định hướng về phát huy lợi thế cạnh tranh, lợi thế so sánh của các địa phương và toàn vùng để tăng cường liên kết kinh tế trong phát triển vùng

4.2.2.3. Định hướng về gia tăng hơn nữa trong việc liên kết chặt chẽ các ngành kinh tế, lĩnh vực hỗ trợ phát triển

4.3. GIẢI PHÁP NHẪM THÚC ĐẨY LIÊN KẾT KINH TẾ TRONG PHÁT TRIỂN VÙNG BẮC TRUNG BỘ

4.3.1. Nhóm giải pháp về đổi mới tư duy và nhận thức về liên kết kinh tế trong phát triển vùng

Một trong những giải pháp có ý nghĩa nền tảng nhằm thúc đẩy liên kết kinh tế trong phát triển vùng Bắc Trung Bộ là tạo lập sự thống nhất cao về nhận thức ở tất cả các cấp, các ngành từ Trung ương đến địa phương, cũng như trong cộng đồng doanh nghiệp và người dân, về vai trò, vị trí và tầm quan trọng của phát triển vùng và liên kết phát triển vùng. Sự thống nhất về nhận thức là điều kiện tiên quyết để bảo đảm tính đồng bộ trong hoạch định chủ trương, ban hành chính sách và tổ chức thực hiện các mục tiêu phát triển vùng Bắc Trung Bộ theo tinh thần các nghị quyết của Đảng, chủ trương, chính sách pháp luật của Nhà nước.

4.3.2. Nhóm giải pháp về nâng cao chất lượng, hoàn thiện thể chế - chính sách và cơ chế điều phối liên kết kinh tế vùng Bắc Trung Bộ

Để liên kết kinh tế vùng Bắc Trung Bộ thực sự phát huy vai trò là một động lực tăng trưởng đến năm 2030, điều kiện tiên quyết là hoàn thiện

khung thể chế điều phối vùng. Đây là nhóm giải pháp mang tính nền tảng, bởi hiệu quả của các liên kết về hạ tầng, logistics, chuỗi giá trị, thị trường lao động và chuyển đổi số đều phụ thuộc trực tiếp vào mức độ phối hợp, tính thống nhất và năng lực quản trị vùng Bắc Trung Bộ trong giai đoạn tới.

4.3.3. Nhóm giải pháp về phát triển, hoàn thiện hạ tầng và logistics liên vùng Bắc Trung Bộ

Hạ tầng giao thông và logistics đóng vai trò xương sống đối với liên kết kinh tế vùng, quyết định khả năng luân chuyển hàng hóa, tiếp cận thị trường, thu hút đầu tư và hình thành chuỗi giá trị liên tỉnh. Đối với vùng Bắc Trung Bộ, mặc dù nhiều tuyến cao tốc, quốc lộ và cảng biển đã được đầu tư, nhưng sự thiếu đồng bộ giữa các phương thức vận tải, sự yếu kém của mạng lưới kết nối ngang và sự thiếu vắng các trung tâm logistics quy mô vùng vẫn là những điểm nghẽn lớn cản trở liên kết kinh tế. Do đó, phát triển hạ tầng và logistics liên vùng là nhóm giải pháp trọng tâm mang tính quyết định, tạo nền tảng cơ bản cho thúc đẩy liên kết kinh tế vùng. nhóm giải pháp về phát triển hạ tầng và logistics liên vùng không chỉ nhằm khắc phục các điểm nghẽn hiện hữu mà còn hướng tới xây dựng một hệ thống hạ tầng tích hợp, thông minh và đồng bộ, phù hợp với yêu cầu phát triển kinh tế vùng Bắc Trung Bộ đến năm 2030 và tầm nhìn xa hơn.

4.3.4. Nhóm giải pháp phát triển doanh nghiệp và chuỗi giá trị liên vùng Bắc Trung Bộ

Phát triển doanh nghiệp và hình thành các chuỗi giá trị liên vùng là điều kiện then chốt để liên kết kinh tế vùng Bắc Trung Bộ trở nên thực chất và có khả năng lan tỏa. Hiện nay, doanh nghiệp trong vùng chủ yếu có quy mô nhỏ, năng lực công nghệ thấp và mức độ kết nối với nhau còn hạn chế, khiến chuỗi giá trị nội vùng chưa hình thành rõ nét. Vì vậy, nhóm giải pháp này cần tập trung vào việc nâng cao năng lực doanh nghiệp, thúc đẩy hình thành các cụm liên kết ngành và hỗ trợ doanh nghiệp tham gia sâu hơn vào chuỗi cung ứng trong nước và quốc tế.

4.3.5. Các nhóm giải pháp khác

4.3.5.1. Phát triển nguồn nhân lực và chất lượng lao động của vùng

4.3.5.2. Nâng cao trình độ khoa học, công nghệ và thúc đẩy chuyển đổi số, đổi mới sáng tạo, phát triển xanh

4.3.5.3. Tăng cường hợp tác quốc tế và liên kết ngoại vùng

4.3.5.4. Giải pháp đột phá phát huy lợi thế kinh tế biển gắn với liên kết kinh tế vùng Bắc Trung Bộ

4.3.5.5. Giải pháp đột phá tăng cường liên kết kinh tế vùng Bắc Trung Bộ trong thích ứng với biến đổi khí hậu và phòng chống thiên tai

KẾT LUẬN

Luận án “Liên kết kinh tế trong phát triển vùng Bắc Trung Bộ đến năm 2030” được thực hiện trong bối cảnh Việt Nam đẩy mạnh thực hiện Nghị quyết về phát triển vùng, triển khai Luật Quy hoạch 2017 và tiếp tục tái cấu trúc nền kinh tế dựa trên đổi mới mô hình tăng trưởng, chuyển đổi số và phát triển xanh. Vùng Bắc Trung Bộ - khu vực giữ vị trí chiến lược nối Bắc với Nam, nối biển Đông với tiểu vùng Mekong - đang đứng trước yêu cầu cấp thiết phải tăng cường liên kết nội vùng và liên vùng để vượt qua hạn chế nội tại, tận dụng cơ hội từ dịch chuyển chuỗi cung ứng toàn cầu và đóng góp vào mục tiêu phát triển cân bằng, bền vững của quốc gia. Trên cơ sở nghiên cứu lý luận, phân tích thực tiễn và đánh giá hệ thống các yếu tố tác động, luận án đã làm rõ vai trò của liên kết kinh tế đối với phát triển vùng, chỉ ra những điểm nghẽn chủ yếu trong liên kết vùng Bắc Trung Bộ và đề xuất hệ thống giải pháp thúc đẩy liên kết kinh tế đến năm 2030.

Thứ nhất, luận án đã hệ thống hóa và làm sâu sắc cơ sở lý luận về liên kết kinh tế vùng, bao gồm khái niệm, các mô hình liên kết, cơ chế vận hành, các yếu tố quyết định mức độ liên kết và vai trò của liên kết trong phát triển vùng.

Thứ hai, trên cơ sở phân tích thực tiễn giai đoạn gần đây, Luận án đã chỉ ra một cách hệ thống thực trạng liên kết kinh tế trong vùng Bắc Trung Bộ, bao gồm cả những kết quả đạt được và những tồn tại, hạn chế, nguyên nhân của các hạn chế.

Thứ ba, Luận án đã phân tích một cách có hệ thống các yếu tố của bối cảnh quốc tế và trong nước tác động mạnh đến xu thế liên kết kinh tế vùng Bắc Trung Bộ.

Thứ tư, Luận án đã đề xuất hệ thống giải pháp toàn diện nhằm thúc đẩy liên kết kinh tế vùng Bắc Trung Bộ đến năm 2030.

Thứ năm, luận án đóng góp một số điểm mới về mặt học thuật và thực tiễn. Về lý luận, luận án đóng góp vào việc hoàn thiện khung phân tích liên kết kinh tế vùng trong điều kiện nền kinh tế chuyển đổi, bằng cách tích hợp phương pháp nghiên cứu liên ngành, ứng dụng mô hình không gian và tiếp cận chuỗi giá trị. Về thực tiễn, luận án cung cấp bức tranh toàn diện và cập nhật về liên kết kinh tế vùng Bắc Trung Bộ, chỉ ra các điểm nghẽn cốt lõi và đề xuất giải pháp có tính khả thi cao, phù hợp với các định hướng chiến lược của quốc gia. Các kết quả nghiên cứu của luận án có thể được sử dụng như tài liệu tham khảo cho cơ quan quản lý nhà nước, các tổ chức tư vấn chính sách, viện nghiên cứu và các địa phương trong vùng khi hoạch định chiến lược phát triển liên kết vùng.

DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH KHOA HỌC CỦA NCS ĐÃ CÔNG BỐ LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI NGHIÊN CỨU

1. Trần Hữu Đồng (2021), “Thể chế điều phối liên kết vùng đồng bằng sông Cửu Long”, Tạp chí Lý luận Chính trị, ISSN 2525-2607, tháng 10/2021.
2. Vũ Văn Phúc, Trần Hữu Đồng (2023), “Quan điểm về liên kết vùng, các kiểu liên kết và điều kiện thực hiện liên kết vùng”, Tạp chí Kinh tế và quản lý, ISSN 1859-4565, tháng 11/2023.
3. Trần Hữu Đồng (2025), “Giải pháp tiếp tục phát triển, liên kết vùng ở Việt Nam đến năm 2030”, Tạp chí Kinh tế - Tài chính, ISSN 3093-3390, ISSN 3093-3390, tháng 10/2025.
4. Trần Hữu Đồng (2025), “Quan điểm, định hướng của Đảng về liên kết, phát triển vùng ở Việt Nam”, Tạp chí Kinh tế - Tài chính, ISSN 3093-3390, tháng 10/2025.
5. Tran Huu Dong (2025), “Enhancing the quality of the governance index trio in the north central region toward 2030”, Viet Nam Economic & Financial Review, ISSN 3093-3722, Vol 1, Issue1, 2025.
6. Trần Hữu Đồng (2026), “Đánh giá liên kết doanh nghiệp vùng Bắc Trung Bộ trong giai đoạn 2010-2023”, Tạp chí Kinh tế - Tài chính, ISSN 3093-3390, kỳ 1, tháng 2/2026.